



BIỂU HIỆN TÍNH DỤC TRONG CÁC THỂ LOẠI VĂN VẦN DÂN GIAN NGƯỜI VIỆT

Đặng Quốc Minh Dương

Trường Đại học Văn Hiến, 615 Âu Cơ, Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

* Tác giả liên hệ: **Đặng Quốc Minh Dương** <duongdqm@vhu.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 29-07-2024; Ngày chấp nhận đăng: 14-09-2024)

Tóm tắt: Tính dục là một trong những nhu cầu căn bản của con người. Bằng cách sử dụng phương pháp phân tích – tổng hợp, phương pháp văn hóa học, phương pháp nghiên cứu liên ngành... bài viết khảo sát một số thể loại văn vần dân gian như ca dao, tục ngữ, câu đố có nhiều biểu hiện tính dục. Kết quả cho thấy, thể loại ca dao thường có những biểu hiện tính dục liên quan đến tục tảo hôn, đa thê, chữ trính, chính chuyên, chuyện đôi lứa, phá giới. Thể loại tục ngữ mượn chuyện tính dục để phê phán các thói hư tật xấu của xã hội, của con người, đúc kết kinh nghiệm về cuộc sống. Thể loại câu đố sử dụng nghệ thuật giấu tên để mô tả cận cảnh về sinh thực khí, hành động tính giao. Như vậy, tìm hiểu những biểu hiện tính dục trong văn học dân gian là một hướng đi nhiều triển vọng, thú vị mà bài viết này chỉ xem như là sự mở đầu.

Từ khóa: Biểu hiện, ca dao, câu đố, người Việt, tính dục, tục ngữ

SEXUAL EXPRESSION IN THE GENRES OF VIETNAMESE FOLK LITERATURE

Dang Quoc Minh Duong

Van Hien University, 615 Au Co, Tan Phu, Ho Chi Minh City

Correspondence to **Dang Quoc Minh Duong** <duongdqm@vhu.edu.vn>

(Received: July 29, 2024; Accepted: September 14, 2024)

Abstract: Sex is one of the basic human needs. By using the analysis-synthesis method, the cultural method, the interdisciplinary research method... the article surveys a number of folk rhyme genres such as folk songs, proverbs, and riddles with many expressions of sexuality. As a result, the folk song genre often has sexual expressions related to child marriage, polygamy, virginity, politics, couple affairs, and gender

breaking. The proverb genre borrows sexual stories to criticize bad habits of society and people, summarizing life experiences. The puzzle genre uses anonymous art to describe close-ups of sexual intercourse and sex. Thus, understanding sexual expressions in literature is a promising and interesting direction, and this article is only considered a beginning.

Keywords: expression, folk songs, riddles, Vietnamese people, sexuality, proverbs

1. Đặt vấn đề

Tính dục được xem là bản chất, bản tính của con người. Tính dục cũng phần nào phản ánh tính cách, nhân cách của con người. Vì là tổng thể các khía cạnh đặc trưng của nhân cách nên tính dục liên quan tới yếu tố sinh học, tâm lý, xã hội, tinh thần và đặc biệt là văn hóa của đời sống cá nhân cũng như cộng đồng. Do vậy, tính dục cũng đã và đang được phản ánh khá nhiều trong văn học.

Trong văn học dân gian người Việt, có một số thể loại được dân gian sáng tác bằng văn vần như *ca dao, tục ngữ, câu đố, vè*. Trừ thể loại vè, các thể loại còn lại đều xuất hiện nhiều biểu hiện về tính dục. Trong thời gian qua cũng đã có một số bài viết đề cập đến tính dục theo từng thể loại. Chẳng hạn, qua việc khảo sát biểu tượng tính dục trong ca dao xứ Huế từ góc nhìn phân tích diễn ngôn, Trương Thị Nhân cho rằng ca dao xứ Huế “không có một từ ngữ nào có ý nghĩa trực tiếp chỉ các thực thể hay hành vi tính dục, càng không có những từ ngữ thông tục về tính dục (...) Tất cả đều ẩn sau lớp vỏ ngôn từ thường rất hoa mỹ” [9, Tr. 8]. Khi nghiên cứu bài ca dao *Sự đời như chiếc lá đa*, bằng cách phân tích, tiếp cận từ các ngữ liệu của tục ngữ, truyền thuyết, hay từ các hướng khảo cổ học, ngôn ngữ học,... Nguyễn Xuân Quang đi đến kết luận rằng: “Lá đa hiển nhiên trong văn hóa Việt chỉ bộ phận sinh dục nữ, âm vật” [10]. Xuất phát điểm từ ngôn ngữ học, trong bài viết thú vị “Luận về sinh thực khí”, qua việc khảo sát ngữ liệu thành ngữ, tục ngữ, ca dao và câu đố, Đỗ Anh Vũ nhận thấy rằng “số lượng những câu nói về sinh thực khí nữ áp đảo hơn hẳn những câu nói về sinh thực khí nam. Có tới 140 câu nói về sinh thực khí nữ, chiếm 62% trên tổng số 227 câu, trong khi chỉ có 56 câu nói về sinh thực khí nam, chiếm tỉ lệ 25%” [12, Tr. 270].

Nhìn chung, những nghiên cứu về biểu hiện tính dục trong văn học dân gian nói chung, trong văn vần dân gian nói riêng là chưa nhiều, chưa bao quát được hết các vấn đề cũng như ở các thể loại. Do vậy, bằng cách sử dụng phương pháp phân tích – tổng hợp, phương pháp văn hóa học, phương pháp nghiên cứu liên ngành,... bài viết sẽ điếm qua những dấu vết văn hóa tính dục trong văn vần dân gian người Việt. Các tài liệu về ca dao, tục ngữ được chúng tôi sử dụng từ *Kho tàng ca dao người Việt* (3 tập), *Kho tàng tục ngữ người Việt* (2 tập); về câu đố, chúng tôi sử dụng từ *Câu đố xưa và nay* của Đặng Hấn.

2. Nội dung

2.1. Biểu hiện tính dục trong ca dao

Ca dao thuộc loại hình trữ tình, là thể loại thiên về miêu tả những tâm trạng, những tư tưởng và tình cảm của con người. Thống kê từ *Kho tàng ca dao người Việt* (3 tập) của Nguyễn Xuân Kính, chúng tôi nhận thấy có 134 bài ca dao có những biểu hiện tính dục. Con số này cho thấy sự quan tâm khá đặc biệt của dân gian cho chủ đề này. Cụ thể, ca dao đã đề cập đến một số biểu hiện tính dục sau đây:

Biểu hiện của tục tảo hôn: Trước đây, truyền thống Việt Nam cho phép nam 18, nữ 16 tuổi là được quyền kết hôn. Thậm chí theo tục lệ thời xưa thì tuổi kết hôn còn sớm hơn nữa, “nữ thập tam, nam thập lục” – tức con trai 16 tuổi, con gái 13 tuổi là có thể dựng vợ gả chồng được. Phan Kế Bính thêm rằng “cũng có nhà cưới cho con từ năm mười hai, mười ba tuổi, có nhà ước hôn với nhau từ trong thai” [2, Tr. 58]. Ca dao có rất nhiều bài nói về chuyện tảo hôn như: *Lấy chồng từ thuở mười lăm/Chồng chê tôi bé chẳng nằm cùng tôi/Đến năm mười tám đôi mươi/Tôi nằm dưới đất chồng lôi lên giường/Một rằng thương, hai rằng thương/Có bốn chân giường gãy một còn ba*. Thật khó để kiểm chứng tính “nhân đạo” của anh chồng nhưng việc cưới chồng từ thuở mười lăm cũng cho thấy dấu vết của nạn tảo hôn. Trường hợp bài ca dao sau mới là điển hình của tục tảo hôn: *Lấy chồng từ thuở mười ba/Đến năm mười tám thiếp đã năm con/Ra đường thiếp hãy còn son/Về nhà thiếp đã năm con cùng chàng*. Thông tin từ bài ca dao cho thấy rằng cô dâu bước lên xe hoa từ cái tuổi mới dậy thì; sau đó là “năm con cùng chàng”. Như vậy, liên tục từ sau khi cưới chồng, mỗi năm người mẹ trẻ này đều đặn sinh hạ một người con! Chuyện này có thể xảy ra, vì ngày xưa người dân gần như không có bất kỳ một biện pháp tránh thai nào cả. Thậm chí theo *tín ngưỡng phồn thực*, việc sinh được nhiều con còn là niềm tự hào của gia đình cũng như của các bà mẹ (tục ngữ người Việt có câu: *Cây độc không trái/Gái độc không con* là gì). Người Việt có thói quen, khi người mẹ ở cũ thì bà ngoại, có khi là chị em vợ lên giúp sản phụ một thời gian trong chuyện chợ búa, giặt giũ. Phan Cẩm Thượng cho rằng, ngoài ý nghĩa chăm nuôi, việc này còn có ý nghĩa ngăn chặn sự *ham hố* của anh chồng. Nhà nghiên cứu viết: “Bà cũng sẽ ngủ cùng với con gái một hai tháng, giúp cô ta trông cháu ban đêm và không cho anh chồng vào đòi tòm tem quá sớm. Mặc dầu vậy, tình trạng đàn bà sinh liên năm một hay ba năm hai lứa cũng nhiều, nhất là vào đầu thế kỷ 20, chúng tôi mới sinh xong vài ba tháng người đó đã tiếp tục mang thai” [11, Tr. 100].

Trong tảo hôn thường có cảnh *trớ trêu* vợ lớn hơn chồng cả tuổi tác lẫn vóc dáng. Như đã biết thì trong xã hội nông nghiệp, lao động được xem là một yếu tố quan trọng nhằm tăng năng suất. Do vậy, nhiều gia đình khi hỏi vợ cho con đã chọn những người lớn tuổi hơn con trai mình, biết chuyện nội trợ và đã quen việc đồng áng. Thậm chí ca dao còn xem đây là phúc của nhà chồng, của chú rể, vì: *Có phúc lấy được vợ già/Vừa sạch cửa nhà, lại ngọt cơm canh*. Không những chênh lệch một vài tuổi mà có khi là cả chục tuổi, lấy thẳng bé tí tì tì: *Em tham giàu lấy*

thằng bé tí tì tì/Làng trên xã dưới thiếu gì trai to/... Nói ra sợ chị em cười/Má hồng bỏ quá thiệt đời
xuân xanh/Em cũng liều thân về thằng bé trẻ ranh/Đêm nằm sờ mó lân quanh cho nó đỡ buồn/Buồn
mình em bế nó lên/Nó còn bé dại đã nên cơm cháo gì? và đây là cảnh trớ trêu vợ – lớn tuổi công
chồng đi chơi: Bồng bồng công chồng đi chơi/Đi đến chỗ lội đánh rơi mất chồng/Chị em ơi cho tôi mượn
cái gàu sòng/Để tôi tát nước vớt chồng tôi lên. Như vậy, việc tảo hôn để lại nhiều hệ lụy: người vợ
thì không có kẻ tâm giao, không có nơi để chia sẻ nhu cầu sinh lý; mặt khác với anh chồng/cô
vợ trẻ con thì lúc này “huyết khí chưa được sung túc đã có vợ có chồng, thậm chí có đứa con gái
hỷ mũi chưa sạch đã đi về làm dâu. Vì thế sinh con đẻ cái ra nhiều đứa còm cõi ngẩng nghiu,
gây nên một giống nòi yếu ớt. Và lại lúc tuổi trẻ, còn đang tuổi học hành, tìm kế lập thân, vậy
mà đã vương vীu về đường vợ con, thì làm gì được nữa, thành ra lại làm cho hư cả người” [2,
Tr. 64].

Biểu hiện của tục đa thê: Đa thê là hình thức hôn nhân giữa một người đàn ông với nhiều
người phụ nữ. Đây là một hủ tục đã tồn tại trong xã hội Việt Nam một thời gian khá dài.
Thường thì tầng lớp quan lại, hay người giàu mới có đa thê. Vì nghèo thì sao nuôi nổi bầu đoàn
thê tử đông đúc. Vậy nên: *Ai bì anh có tiền bồ/Anh đi anh lấy sáu cô một lần*. Không những vợ ảnh
hưởng, chịu thiệt, mà có khi chồng cũng khổ sở không kém: *Một vợ thì nằm giường lèo/Có gôi tai
bèo, sáo rú màn treo/Hai vợ thì nằm chèo queo/Ba vợ thì xuống chuồng heo mà nằm*. Tuy vậy, khi chấp
nhận đa thê thì người có khả năng chịu thiệt nhiều nhất là người vợ cả. Bởi theo Phan Cẩm
Thượng do cưới chồng sớm nên “khi chuyển sang trung niên, sự chênh lệch sẽ hiện ra, trong
khi người đàn ông còn trẻ, người vợ đã về già” [11, Tr. 87]. Thực tế cho thấy khi đã có vợ bé,
anh chồng luôn có xu hướng muốn gần người mới – trẻ hơn: ...*Cô sáu trái chiều giăng mừng/Một
mình cô bảy nằm chung với chồng*. Tuy vậy, vượt qua cửa ải vợ cả chưa bao giờ là chuyện dễ
dàng. Truyện cười người Việt có truyện *Anh hai vợ* kể về màn mời chào, đối đáp bằng thơ của
bộ ba này. Đây là lời mời của vợ bé: *Đêm khuya, gió lặng sóng yên/Lái kia có muốn, ghé thuyền sang
chơi*. Anh chồng muốn sang với vợ bé nhưng bị vợ cả ôm giữ, mới đáp rằng: *Muốn sang bên ấy
cho vui/Mắc đồn lính gác khó xuôi được đò*. Nghe vậy, chị vợ cả liền hát: *Sông kia ai cấm mà lo/Muốn
xuôi thì nộp thuế đò rồi xuôi*. Cô vợ bé vội đáp: *Chẳng buồn chẳng bán thì thôi/Qua đồn hết vốn còn
xuôi nổi gì*. Truyện cũng cho thấy tính nguyên hợp về thể loại. Như vậy, ở đây việc cưới thêm vợ
lẽ chủ yếu vì nhu cầu sinh lý, đam mê nhục dục. Hơn nữa, qua trường hợp này dân gian cũng
ngầm ý kể về câu chuyện bất nghĩa, bởi anh chồng vì vợ lẽ mà đã ngó lơ, đã không đoái hoài gì đến
vợ chính – người đã chia sẻ ngọt bùi, kẻ đã góp công rất lớn trong việc xây dựng cơ ngơi hiện
tại. Giờ đến lúc kinh tế đủ đầy hơn, lại là lúc tuổi xuân khép lại thì kẻ chịu ân mình lại biến
mình thành người thừa. Chính vì thế, dân gian cảm thông, xây dựng nhân vật vợ chính với ít
nhiều quyền uy trong chuyện chăn gối.

Biểu hiện về trình tiết: Theo quan niệm truyền thống, người phụ nữ phải giữ trình tiết
cho đến khi lấy chồng, nếu họ để mất điều đó thì cũng đồng nghĩa với sự bất hạnh cả đời. Sự
cực đoan này của Nho giáo thể hiện rõ nét qua nhận định của Trình Di “nếu như cưới người

thất tiết về làm vợ, thì chính ta cũng thất tiết (...) Chết đói là việc rất nhỏ mà thất tiết là việc rất lớn” [dẫn theo 3, Tr. 89]. Ở Việt Nam ta trước đây có hủ tục: nếu một cô gái đã mất trinh trước đêm kết hôn, hôm sau họ lập tức bị trả về nhà bố mẹ với lễ vật là mâm xôi và cái thủ lợn bị cắt tai. Người phụ nữ đó hoặc sẽ ở vậy suốt đời, hoặc đi lang thang làm con ở, nàng hầu chốn thị thành, ngỗ hầu mong kiếm được một đấng quân tử khác rộng lòng che chở. Chính vì thế, cô gái nào cũng được cha mẹ nhắc nhở về việc giữ gìn sự trinh tiết cả. Điều này phảng phất qua bài ca dao: *Gái không tránh khỏi đồ đưa/Trai khôn tránh khỏi vợ thừa người ta*. Đặc biệt, có rất nhiều bài ca dao có nội dung khuyên răn người con gái phải trau mình, giữ gìn trinh tiết: *Gái thì giữ lấy chữ trinh/Siêng năng chín chắn, trời dành phúc cho; Mặc ai ép nghĩa nài tình/Phận mình là gái chữ trinh làm đầu*. Đó là sự giữ gìn cho cả hai như: *Mẫu đơn nở cạnh nhà thờ/Đôi ta trinh tiết đợi chờ lấy nhau*. Thậm chí, dân gian còn mạnh dạn quả quyết rằng: *Nam đáo nữ phòng, nam tắc loạn/Nữ đáo nam phòng, nữ tắc dâm/Sinh tử, mạc sinh tâm/Sinh con ai nữ sinh lòng/Sinh con ai chẳng vun trồng cho con*.

Không chỉ là chuyện chữ trinh trước khi lấy chồng, đó còn là chuyện *trinh tiết*, *chuyên chính chuyên* khi chồng đã khuất bóng. Theo đó, lễ giáo phong kiến trói buộc người phụ nữ khi chồng mất đi cũng phải ở vậy thờ chồng, trông nom con cái – *xuất giá tông phu, phu tử tông tử!* Tức người vợ góa phải ở vậy thủ tiết thờ chồng, không được đi bước nữa. Đây là một luật tục, một phong tục cho thấy *sự bất công, vô nhân đạo, bất bình đẳng* giới với người phụ nữ. Dân gian nhận thấy sự bất công nên đã có nhiều bài ca dao cười chê, thách thức hủ tục này. Đây là đôi lời bộc bạch mang tính giễu cợt của một người phụ nữ: *Chữ trinh đáng giá nghìn vàng/Từ anh chồng cũ đến chàng là năm/Còn như yêu vụng dẫu thâm/Hợp chợ trên bụng đến trăm con người*. Khá nhiều bài ca dao nói về sự chính chuyên với giọng cười đùa nhưng cũng hết sức chua chát: *Lẳng lơ chết cũng ra ma/Chính chuyên chết cũng chôn ra ngoài đồng/Lẳng lơ cũng chẳng hao mòn/Chính chuyên cũng chẳng sơn son để dành và đây nữa Chính chuyên cũng một anh chồng/Lẳng lơ cũng chẳng nằm không đêm nào/Một đêm tám chín anh vào/Lòng tôi nhân đức chẳng để anh nào ra không*. Đây là lời nhả nhủ, cũng là nhu cầu của người quả phụ chưa đoạn tang chồng: *Ai ơi đợi với tôi cùng/Tôi còn đốt mã cho chồng tôi đây/Chồng tôi mới được ba ngày/Ai ơi có đợi tôi rày hay không?;... Song song đó, dân gian cũng có nhiều bài ca dao nói về chuyện các bà vợ ngoại tình: Ở cô đội nón ba tâm/Chồng cô đi lính, cô nằm với ai/Chín tháng cô đẻ con trai/Chồng cô về hỏi: Con ai thế này? – Con tôi đi kiếm về đây; chồng đi xa thì đã có người thay thế: Chồng đi thì có chồng nhà/Hơi đâu mà đợi chồng xa trở về; Vắng sao Hôm có sao Mai/Chồng em đi vắng có trai ở nhà; thậm chí trong nhiều bài ca dao, dân gian đã để cho nhân vật nữ bộc bạch nỗi niềm của mình, rằng: Anh đánh thì tôi chịu đòn/Tính tôi hoa nguyệt mười con chẳng chừa*. Đặt trong bối cảnh của Việt Nam thế kỷ XV – XVIII, khi mà xã hội đề cao vai trò của nhân vật *trinh liệt, liệt nữ*, cướp mất quyền sống của người phụ nữ thì chúng ta mới hiểu và thấy được hết giá trị, ý nghĩa nhân đạo cũng như sự thách thức của những bài ca dao này.

Biểu hiện liên quan đến chuyện đôi lứa: Việt Nam chịu ảnh hưởng của Nho giáo, trong quan niệm tính dục họ tuân giữ nghiêm ngặt nguyên lý “nam nữ thụ thụ bất thân”. Theo đó thì

nam nữ gần như không được tiếp xúc, gặp mặt nhau. Chàng trai – cô gái trao cho nhau cái gì, nhận của nhau cái gì, đều không trực tiếp trao tận tay. Muốn mời nhau ăn trầu, thì người chủ tằm trầu, xếp vào coi trầu, đặt giữa bàn, khách tự nhặt lấy mà ăn. Chính vì thế, người con gái luôn được cha mẹ răn dạy rằng: *Thưa rằng bác mẹ tôi răn/Làm thân con gái chó ăn trầu người*. Còn đây, cô gái này lại chủ động mời trầu, không những thế có cách mời trầu rất lạ, rất gọi tình, đầy ý đồ, thể hiện sự mạnh dạn không kém: *Trầu em tằm tôi hôm qua/Cắt trong dải yếm mở ra mời chàng*. Trầu cắt trong yếm không thơm, không ăn và không yêu mới lạ! Trong ca dao, chúng ta thấy có nhiều bài mà ở đó người con gái đã có sự chủ động trong chuyện đôi lứa. Ban đầu sự chủ động còn thể hiện qua điều ước: *Ước gì sông rộng một gang/Bắc cầu dải yếm cho chàng sang chơi*. Có thể xem đây là bài ca dao hay nhất về tình yêu đôi lứa. Hình ảnh cây cầu bằng dải yếm thật táo bạo, gọi cảm. Tuy chỉ mới dừng lại ở sự mơ ước nhưng cho thấy sự lãng mạn, sự táo bạo và phồn thực của dân gian. Hoặc cụ thể hơn là: *Anh về, em nắm vạt áo em la làng/Phải bỏ chữ thương chữ nhớ giữa đường cho em* và nữa, đây là sự chủ động cũng rất thẳng thắn: *Anh về thưa mẹ với thầy/Anh sang làm rể tết này là xong*; thậm chí là sự liều lĩnh, liều mình: *Anh về cho em về theo/Bác mẹ có đánh ta leo lên giàn*.

Ngoài các biểu hiện đã được bàn thảo, ca dao còn có biểu hiện tính dục liên quan đến chuyện phạm giới của bậc tu hành. Phê phán về những ông thầy chùa, bà vải phá giới, dân gian có câu: *Nam mô bồ tát bồ hòn/Ông sư bà vải cuộn tròn lấy nhau* hay *Hôm này mười bốn mai rằm/Ai muốn ăn oản thì nằm với sư* hoặc kia là sự bông đùa: *Ba cô đội gạo lên chùa/Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư/Sư về sư ốm tương tư/Ổm lẫn, ốm lóc nên sư trọc đầu*.

Như vậy, những phân tích, điểm nhãn trên cho thấy có nhiều bài ca dao đề cập các biểu hiện của tính dục như chuyện tảo hôn, chuyện đa thê, chuyện trinh tiết – chính chuyên, chuyện đôi lứa, phá giới,... Vừa sử dụng thể mạnh của loại hình trữ tình, cộng với cái nhìn tinh táo, hóm hỉnh, dân gian đã cho thấy hạn chế của các hủ tục nói trên, qua đó góp phần “tổng tiến” các nét văn hóa lỗi thời này.

2.2 Biểu hiện tính dục trong tục ngữ

Là một thể loại thiên về lý trí, tục ngữ đúc kết kinh nghiệm của dân gian về các mặt của đời sống – trong đó có những biểu hiện liên quan đến tính dục. Thống kê từ *Kho tàng tục ngữ người Việt* (2 tập) của Nguyễn Xuân Kính, chúng tôi nhận thấy có 196 câu tục ngữ đề cập đến chủ đề này. Từ những quan sát, suy nghĩ, dân gian đã tổng kết về một số vấn đề như:

- Mượn chuyện tính dục, đặc biệt là sinh thực khí nam và nữ như một *ẩn dụ biểu trưng* ngữ nghĩa với hàm ý khẳng định. Tục dân gian mượn tục ngữ và qua câu chuyện tính dục để ca ngợi, đề cao một vấn đề nào đó. Chẳng hạn đề cao vẻ đẹp của người phụ nữ thì dân gian đúc kết: *Lưng chữ cụ, vú chữ tâm* (được xem là vừa đẹp, mấn dề, khéo nuôi con về làm vợ, làm dâu con); *Những người thắt đáy lưng ong/Vừa khéo chiều chồng vừa khéo nuôi con* (được xem là vừa đẹp cả ngoại hình lẫn tính cách, phẩm chất); *L... lá tre, buổi xe điếu; To l... dễ dề; Trong l... gì đẹp bằng*

le/Ngoài l... đẹp nhất cái khe cạnh đồi; Để con khôn mát l... rười rượi; May hơn khôn, lớn l... hơn đẹp; L... lá vòng chông trông chông chạy, l... lá mít chông hít chông ngửi; l... lá tre chông đe chông đánh (l... lá mít được coi là đẹp nhất; l... lá tre được xem là nhỏ nhất);... Những câu tục ngữ với hàm ý trên cũng phần nào cho thấy quan niệm của người Việt một thời.

- Phần lớn câu tục ngữ khi nhắc đến tính dục, dân gian thường hàm ý *phê phán các thói hư tật xấu của xã hội, của con người*. Chẳng hạn phê phán cách ứng xử vô lễ, hỗn hào có những câu tục ngữ như: *Cậy gần hàng nời dấm buổi vào niêu; Cậy gần hàng nời dút buổi vào lọ; Dạ vâng trước mặt, trệt cặc sau lưng*;... phê phán tính ky bo keo kiệt có câu: *Chưa giàu đã lấy buổi làm then cửa*; phê phán thói khôn lỏi, làm ăn tắc trách có câu: *Chưa nặn bọt đã nặn buổi*; phê phán thói vô ơn bất nghĩa có câu: *Qua sông dấm bôi vào sòng*; phê phán những người hay đòi hỏi cái họ không xứng đáng có câu: *Buổi lấm lông mà đòi đóng khố lượt*; chê những kẻ vô tích sự, không có năng lực là câu: *Đầu buổi quẩn giẻ*; chê bai sự nông cạn, hời hợt có câu: *L... ngoài váy trong*; phê phán tính tham lam có câu: *Có cháo đòi chè, có ghe đòi l...*; phê phán tính giận cá chém thớt có câu: *L... không lành mắng quanh hàng xóm; Ra đường chẳng biết ai nói thế nào/Về nhà lấy thớt, lấy dao băm l...*; phê phán cách ứng xử không đúng của người đàn ông có câu: *Coi l... vợ hơn cái mả cha, Được cái l... xỏ bỏ cái l... chui* (ý nói coi vợ hơn mẹ); Phê phán hình dáng lẫn tính cách người phụ nữ, dân gian cho rằng: *Cả vú to hông cho không chẳng màng*. Khi lý giải về việc sử dụng các hình ảnh, câu chuyện liên quan đến tính dục để bày tỏ thái độ phủ nhận, phê phán, Đỗ Anh Vũ cho rằng: “sinh thực khí của cả hai giới có một diễn trình phát triển từ chỗ *linh thiêng* (được thờ phụng, coi là một loại tín ngưỡng) đến chỗ *giải thiêng*, coi đó là những bộ phận mang đến cảm giác không sạch sẽ (vì nó cũng gắn với cơ quan bài tiết chất thải, ở bên cạnh cơ quan bài tiết chất thải). Vì lẽ đó, sinh thực khí được dùng làm công cụ để diễn tả sự phủ nhận, chửi bới, người nói dường như muốn dồn tất cả những thứ bẩn thỉu vào đối tượng mà anh ta đang căm ghét, đang cảm thấy khó chịu” [12, Tr. 279]. Những nhận định trên là có cơ sở, hợp lý và thuyết phục. Theo chúng tôi ngoài lý giải trên còn có nguyên nhân từ việc *ảnh hưởng lễ giáo phong kiến*. Như đã biết, Việt Nam chịu ảnh hưởng của Nho giáo. Trong quan niệm tính dục, họ tuân giữ nghiêm ngặt nguyên lý “nam nữ thụ thụ bất thân”, việc dựng vợ gả chồng để sinh con đẻ cái nối dõi tông đường được xem là một nhiệm vụ chính, trong đó tình dục cũng chỉ được xem như một công cụ, một phương tiện. Việc mô tả, gọi tên hành động tính giao hay những bộ phận sinh dục được xem là tội lỗi, cấm kỵ. Do bị xem là kiêng kỵ nên hoặc là không nói hay nói tránh, hoặc khi nói thường tìm cách phê phán, chê trách cho hợp với quan điểm của lễ giáo.

- *Đúc kết kinh nghiệm trong sinh hoạt vợ chồng hay những vấn đề khác trong cuộc sống*. Là một thể loại có chức năng đúc kết kinh nghiệm, tục ngữ có nhiều câu thể hiện sự tổng kết của mình. Chẳng hạn khi thể hiện thái độ giữa con nuôi và con đẻ, dân gian đúc kết: *Con mày con nuôi không bằng con buổi sinh ra*. Khi bàn về chuyện ứng xử vợ chồng, dân gian đưa ra lời khuyên: *Giữ dao phải giữ lấy chuôi/Giữ chồng phải giữ cái buổi của anh* hay *Mu u ba lá mù u/Vợ chồng cãi lộn con cu giải hòa*; những biểu hiện về tâm sinh lý của nữ giới thì có câu: *Để con phải biết tính con/Hễ*

vú gai gạo thì l... chớp đông. Nói về nhu cầu tính dục, người Việt cho rằng: *Đi biển lâu l... trâu cũng thích*. Có khá nhiều câu tục ngữ liên quan đến tính dục thể hiện những quan niệm mang tinh thần nhân tướng học dân gian, ít nhiều đưa ra những cảm quan mang tính dự đoán của người xưa về số phận con người hoặc các biểu hiện khác trên hình thể con người. Chẳng hạn, đó là quan niệm: *Có phúc thì l... có lông/Vô phúc thì lại sạch không lâu lâu* hay *Âm hộ vô mao bần chi tử*. Ở sinh thực khí nam có các câu như: *Buổi dài dài trễ trễ làm ăn; Buổi to không lo chết đói; Đàn ông ngẩng ngẩng cổ cò/Đầu gối lúc lắc buổi to như cái chày*. Ở sinh thực khí nữ, ta bắt gặp các câu: *Tế yêu âm hộ đại (eo nhỏ l... to); Đàn bà cao cẳng l... dài tấc ba; Những cô má đỏ hồng hồng/Nước l... tát mấy gầu sông cho voi*. Có nhiều câu tục ngữ thể hiện quan niệm một thời, như quan niệm trọng nam khinh nữ: *Một trăm con gái không bằng hòn đá con trai*.

Như vậy, là một thể loại có chức năng đúc kết kinh nghiệm, qua tục ngữ dân gian đã mượn chuyện tính dục, đặc biệt là sinh thực khí nam và nữ như một ẩn dụ biểu trưng ngữ nghĩa – trong số này phần lớn thường hàm ý phê phán các thói hư tật xấu của xã hội, của con người. Song song đó, tục ngữ cũng có những đúc kết kinh nghiệm trong sinh hoạt vợ chồng hay những vấn đề khác trong cuộc sống.

2.3 Biểu hiện tính dục trong câu đố

Câu đố là những sáng tác dân gian ngắn gọn, có vần nhịp, nội dung thiên về miêu tả sự vật qua nghệ thuật giấu tên – nghệ thuật ẩn dụ đặc biệt. Trong kho tàng câu đố dân gian người Việt có khá nhiều câu đố có biểu hiện tính dục. Theo thống kê sơ bộ, chúng tôi tập hợp được 86 câu đố liên quan đến đề tài. Từ tập hợp này, chúng tôi có một số nhận xét, nhận định sau:

- Có 30 câu đố có sử dụng các từ chỉ sinh thực khí trong lời đố. Chẳng hạn: *Ba bà mà dạng chân ra/Một ông đứng giữa mà tra cặc vào* (Giải đố: tát gầu sông); *Ông nằm dưới/Chổng cặc lên/Bà nằm trên/Rên ư ừ* (Giải đố: cái cối xay); *Ba ông ngồi ghé/Một ông cạy thế, một ông cạy thần/Một ông tần ngần dứt buổi vô bếp* (Giải đố: cái bể thổi lửa); *Hùm hụp như cái mu l.../Đang ăn đang bụng đại đôn lên lưng* (Giải đố: cái bào thợ mộc);... Song song với đó là những câu đố miêu tả về các sự vật thông dụng trong cuộc sống nhưng dân gian tinh tế, khéo léo và cũng rất táo bạo sử dụng nghệ thuật miêu tả giàu sức liên tưởng, khiến người đọc, người nghe nghĩ đến sinh thực khí. Chẳng hạn như mô tả cái quạt giấy mà dân gian miêu tả một cách dẫn dụ, gợi cảm khiến ta nghĩ đến sinh thực khí nữ, đến hoạt động tính giao: *Trời sinh ba góc kéo về ba/Một góc thiếu đi một miếng da/Nhấp nhấp càng lâu, càng thấy sướng/Tại sao nước nọ chẳng tuôn ra*; đây là cách miêu tả về con sò huyết mà hay đến ám ảnh và bất ngờ: *Khum khum như mu bàn tay/Môm thì môm dục ngậm ngay hột hồng/Hai bên có hai hàng lông/Ở giữa hột hồng đỏ loét lòe loe*; đây là con đường thân quen nhưng cũng đầy ám gợi: *Có mặt mà chả thấy môm/Có hai bên mép lôm xôm những lông*,... Trong khi ở thể loại tục ngữ, dân gian chủ yếu chỉ nhắc đến tên của sinh thực khí thì ở thể loại câu đố, thông qua nghệ thuật ẩn dụ – giấu tên, mượn chuyện miêu tả sự vật, sự việc khác, dân gian đã có những miêu tả cận cảnh, chi tiết và cũng rất độc đáo về sinh thực khí.

- Dân gian có nhiều câu đố về sinh thực khí nam nữ – tức thể hiện trong *lời giải đố, đáp án*. Trong công trình *Câu đố xưa và nay* của Đặng Hấn có 14/96 câu đố (phần *Đố tục, đố thanh*) đố về “của quý nam/nữ” (từ dùng của Đặng Hấn). Đây là con số không hề nhỏ. Điều này cho thấy, qua nghệ thuật giấu tên, qua cách nói lấp lửng gọi sự tò mò, dân gian đã *tiềm cận* nhiều vấn đề mà xưa nay được xem là phải kiêng kị, “phạm húy”. Xin dẫn chứng một số câu đố về sinh thực khí nữ như: *Đi nhai, đứng ngậm, ngồi cười/Tháng năm ăn đất, tháng mười ăn tro; Ngồi cười, đứng ngậm, đi nhai/Tôi về lại ngậm củ khoai đi nằm; Múi mít hạt hồng, lá vông rễ ấu/Xấu thì thật xấu, xem vẫn muốn xem/Nói đến thì thêm, bảo ăn lại giận;...* và đây là một số câu đố về sinh thực khí nam: *Trên đầu mũ đỏ/Dưới cổ áo râu/Đạn đây một giỏ/Khệ nệ vai đeo; Có khi cứng, có khi mềm/Khi dài khi ngắn, không chêm mà vừa; Mắt không, tai chẳng thấy đâu/Môm ở đỉnh đầu, chòm râu ở cổ;...* Dân gian thật táo bạo, thật phồn thực nhưng cũng rất... đời thực. Tả chân mà cũng rất nghệ thuật. Nghệ thuật mà cũng rất thật!

- Xuất hiện nhiều hơn cả là những câu đố khi miêu tả về *cơ chế hoạt động* của một sự vật hay của một công việc nào đó khiến ta liên tưởng đến *hoạt động tính giao*. Phương thức này theo ngôn ngữ học gọi là *quy chiếu* hay *chiếu vật*. Đây là hình dáng và cơ chế hoạt động của cái kéo mà với những ôm ấp, nhúc nhích, dí: *Hai người ôm ấp lấy nhau/Nhúc nhích đằng đầu, nhúc nhích đằng đuôi; Song song hai cẳng/Hai bụng ấp nhau/Nhàu nhàu nhau dí một cái*. Hành động bàn chân đi đất rồi xỏ giày cũng được *tính dục hóa* thành: *Hai da đút lẫn hai da/Đút vào thì sướng, rút ra lạnh lùng/Đút vào ấm áp vô cùng/Rút ra lạnh lùng khổ lắm ai ơi*. Chuyện ăn mía mà cũng nào là “ôm lấy”, “đút vào”, “sướng”, và đặc biệt là “dập lên dập xuống nó trào nước ra”: *Hai tay ôm lấy khu/Đút vào thì bảo dạ rằng ư đút vào/Đút vào nó sướng làm sao/Dập lên dập xuống nó trào nước ra*. Ngay cả chuyện cho con bú cũng được nhìn với cái nhìn *ngịch dị*: *Cục thịt đút vào lỗ thịt/Một tay sờ đất, một tay sờ đầu/Đút vào một lúc lâu lâu/Nhột ở núm đầu nước chảy ứa ra/Da non nứt chặt da già/Kéo cưa đưa đẩy rút ra cùng cười*. Còn đây, đi nhui cá mà như một quá trình các bước trong hoạt động tính giao: *Thứ nhất vật ngã em ra/Thứ hai thúc đẩy, thứ ba đứng dòm/Thứ tư thì cúi lom khom/Thứ năm sờ bắt lấy con đem về*. Không chỉ miêu tả, qua hành động tính giao, dân gian còn cho thể hiện những *cảm nhận của người trong cuộc*. Đó là cảm nhận khi sử dụng chiếc quạt giấy: *Nhấp nhấp càng lâu, càng thấy sướng/Tại sao nước nọ chẳng tuôn ra hay của hoạt động câu cá (trên kêu sướng/dưới kêu đau)*, của việc mang giày (*Hai da đút lẫn hai da/Đút vào thì sướng, rút ra lạnh lùng*), của chuyện cho con bú (*Đút vào sướng lắm em ơi/Rút ra đánh choách, miệng cười toét tòe loe*),... Như vậy, có thể xem câu đố là thể loại đầu tiên có những miêu tả cận cảnh, khá chi tiết về hoạt động tính giao, cũng như những cảm nhận của người trong cuộc. Tuy vậy, thông qua nghệ thuật đố tục giảng thanh, dân gian vừa cho thấy sự tinh tường, đáo để, hóm hỉnh nhưng cũng rất trí tuệ và phá cách của mình. Tất nhiên, ai cũng biết là dân gian đang nói những chuyện khác – thể hiện nơi lời giải nhưng ai dám quả quyết rằng những miêu tả kia không xuất phát từ những quan sát của dân gian trong sinh hoạt chăn gối? Nói vậy mà không phải vậy! Cái hay, trí tuệ của dân gian cũng là nằm ở đó.

Như vậy, bên cạnh việc xuất hiện khá nhiều hình ảnh liên quan đến sinh thực khí (như thể loại tục ngữ), qua câu đố, bằng nghệ thuật giấu tên và giàu trường liên tưởng, lần đầu tiên dân gian miêu tả một cách tả chân – cận cảnh về sinh thực khí với những màu sắc, hình ảnh, trạng thái của nó. Cũng qua các câu đố dân gian này, dân gian thể hiện được sự quan sát của mình về hành động tính giao cùng những cảm nhận của người trong cuộc.

3. Kết luận

Tính dục là một trong những nhu cầu căn bản của con người. Tính dục có nhiều biểu hiện khác nhau trong các thể loại ca dao, tục ngữ và câu đố. Ca dao có nhiều tác phẩm đề cập đến văn hóa tính dục thể hiện qua tục tảo hôn, đa thê, chữ trinh, chính chuyên, chuyện đôi lứa, phá giới,... Qua tục ngữ dân gian đã mượn chuyện tính dục nữ như một ẩn dụ biểu trưng ngữ nghĩa – trong số này phần lớn thường hàm ý phê phán các thói hư tật xấu của xã hội, của con người. Song song đó, tục ngữ cũng có những đúc kết kinh nghiệm trong sinh hoạt vợ chồng hay những vấn đề khác trong cuộc sống. Còn với thể loại câu đố, dân gian sử dụng nghệ thuật giấu tên để tả chân – cận cảnh về sinh thực khí, hành động tính giao với những màu sắc, hình ảnh, trạng thái và cảm nhận đầy thú vị. Như vậy, tìm hiểu những biểu hiện tính dục trong văn học dân gian là một hướng đi nhiều triển vọng, thú vị, mà bài viết này chỉ xem như là sự mở đầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (1998), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Tổng hợp Đồng Tháp, Đồng Tháp.
2. Phan Kế Bính (2022), *Việt Nam phong tục*, Nxb Văn học, Hà Nội.
3. Phạm Văn Hưng (2018), *Văn hóa tính dục ở Việt Nam thế kỷ X-XIX*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
4. Nguyễn Xuân Kính – Phan Đăng Nhật (Chủ biên) (1995), *Kho tàng ca dao người Việt – tập 1*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
5. Nguyễn Xuân Kính – Phan Đăng Nhật (Chủ biên) (1995), *Kho tàng ca dao người Việt – tập 2*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
6. Nguyễn Xuân Kính – Phan Đăng Nhật (Chủ biên) (1995), *Kho tàng ca dao người Việt – tập 3*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
7. Nguyễn Xuân Kính (Chủ biên) (2002), *Kho tàng tục ngữ người Việt – tập 1*, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
8. Nguyễn Xuân Kính (Chủ biên) (2002), *Kho tàng tục ngữ người Việt – tập 2*, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.

9. Trương Thị Nhân (2015), Biểu tượng tính dục trong ca dao xứ Huế từ góc nhìn phân tích diễn ngôn, *Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống*, 3 (233), 8-15.
10. Nguyễn Xuân Quang (2012), *Khai quật kho tàng cổ sử Việt Nam: nhận diện chân tướng bà Nữ Oa*, truy cập tại: <http://www.sugia.vn/home/index>.
11. Phan Cẩm Thượng (2017), *Tập tục đời người – Văn hóa tập tục của người nông dân Việt Nam thế kỷ 19-20*, Nhã Nam và Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
12. Đỗ Anh Vũ (2017), *Vẻ đẹp của yêu tinh: hỗn luận*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.